

BẢN DỮ LIỆU AN TOÀN NGUYÊN LIỆU

DOW AGROSCIENCES B.V.

Tên sản phẩm: Thuốc trừ bệnh BEAM 75WP

Ngày ban hành: 28.06.2016

Ngày in: 28.06.2016

DOW AGROSCIENCES B.V. khuyến nghị và mong rằng Quý Khách Hàng đọc và hiểu toàn bộ Bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu), vì trong toàn tài liệu có những thông tin quan trọng. Chúng tôi mong rằng Quý Khách Hàng thực hiện theo những cách phòng ngừa nêu trong tài liệu này trừ khi điều kiện sử dụng của Quý Khách cần phải theo phương pháp hoặc hành động thích hợp khác.

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm: Thuốc trừ bệnh BEAM 75WP

Khuyến nghị và hạn chế khi sử dụng

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo: Mục đích sử dụng cuối thuốc trừ bệnh

Thông tin về công ty

DOW AGROSCIENCES B.V.

5/F, TÒA NHÀ CENTRE POINT

106 NGUYỄN VĂN TRỖI, QUẬN PHÚ NHUẬN,

HỒ CHÍ MINH

VIỆT NAM

Điện thoại thông tin khách hàng::

86-21-3851-4988

SDSQuestion@dow.com

ĐIỆN THOẠI KHẨN CẤP

Liên hệ khẩn cấp 24/24:

852-8202-2774

Số điện thoại khẩn cấp trong nước:

8-3999-0007

2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI

Phân loại theo GHS

Độc tính cấp tính - Nhóm 3 - Đường miệng

Ăn mòn/kích ứng da - Nhóm 2

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật - Nhóm 2

Độc tính thủy sinh lâu dài - Nhóm 2

Thành phần nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo: **NGUY HIỂM!**

Cảnh báo nguy hiểm

Độc nếu nuốt phải.

Gây kích ứng da.

Độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Các lưu ý phòng ngừa**Biện pháp phòng ngừa**

Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.

Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

Đeo găng tay bảo hộ.

Biện pháp ứng phó

NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc bác sỹ. Súc miệng.

NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm hoá chất và giặt sạch trước khi tái sử dụng.

Thu hồi chất tràn đổ.

Sự lưu trữ

Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ

Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các nguy cơ khác

chưa có dữ liệu

3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Sản phẩm này là một hỗn hợp.

Thành phần	CASRN	Nồng độ
Tricyclazole	41814-78-2	75,0%
Kaolin	1332-58-7	10,1%
Amorphous precipitated silica	112926-00-8	5,0%
Quartz	14808-60-7	0,1%
Balance		9,8%

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung: Người thực hiện các biện pháp sơ cứu phải lưu ý tự bảo vệ bản thân và sử dụng đồ bảo hộ theo khuyến nghị (găng tay kháng hóa chất, biện pháp bảo vệ chống hóa chất bắn tóe ra). Nếu có khả năng phơi nhiễm với hóa chất, hãy tham khảo phần 8 để biết thêm các trang thiết bị bảo hộ cá nhân cụ thể.

Hít phải: Đưa người bị nạn đến nơi thoáng khí. Nếu nạn nhân đã ngưng thở, thì gọi điện thoại ngay đến một cơ sở cấp cứu hoặc xe cứu thương, rồi tiến hành hô hấp nhân tạo; nếu sử dụng phương pháp hà hơi thổi ngạt thì người cứu hộ phải mang thiết bị bảo vệ (ví dụ như mặt nạ phòng hơi độc, v.v...). Hãy gọi điện đến một trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sỹ để xin chỉ dẫn điều trị.

Tiếp xúc với da: Cởi bỏ quần áo đã nhiễm hoá chất. Nhanh chóng rửa da với nhiều nước trong 15-20 phút. Sau đó gọi đến trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sỹ để được tư vấn về điều trị. Vòi sen an toàn dùng để dội rửa hoá chất khi khẩn cấp nên được đặt sẵn trong khu vực làm việc.

Tiếp xúc với mắt: Giữ cho mắt mở, rửa từ từ và nhẹ nhàng với nước trong 15-20 phút. Tháo kính sát trùng (nếu đang mang) sau 5 phút đầu, và tiếp tục rửa mắt. Hãy gọi điện đến một trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sỹ để xin chỉ dẫn điều trị. Vòi rửa mắt an toàn dùng để dội rửa hoá chất khi khẩn cấp nên được đặt sẵn trong khu vực làm việc.

Nuốt phải: Không được cố gây nôn. Gọi bác sỹ và/hoặc chuyển nạn nhân đến cơ sở cấp cứu ngay lập tức. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm: Bên cạnh những thông tin tìm thấy dưới sự mô tả các biện pháp sơ cứu đầu tiên (như trên) và những dấu hiệu tìm sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị cần thiết (dưới đây), các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng khác được mô tả trong Phần 11: Thông tin về độc tính.

Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị: Nếu bị bỏng, thì tiến hành điều trị như những trường hợp bỏng do nhiệt, sau khi đã tiến hành khử khuẩn. Không có thuốc chữa trị chuyên biệt. Việc điều trị sự phơi nhiễm hoá chất nên được hướng đến việc kiểm soát triệu chứng lâm sàng và tình trạng của bệnh nhân. Mang theo Bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) (nếu có), thùng đựng sản phẩm hoặc nhãn khi gọi đến trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sỹ xin hướng dẫn điều trị.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Nước Bình chữa cháy (sử dụng) hoá chất khô. Bình chữa cháy (sử dụng) khí Carbon dioxide. Bọt.

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp: chưa có dữ liệu

Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Các sản phẩm cháy nguy hại: Trong một đám cháy, khói có thể chứa nguyên liệu hóa chất gốc cộng với các sản phẩm cháy gồm những thành phần khác nhau có thể độc hại và/hoặc gây khó chịu. Sản phẩm cháy có thể bao gồm và không giới hạn bởi: Các sulfur oxide. Các nitrogen oxide. Carbon monoxide. Carbon dioxide.

Những hiểm họa cháy nổ bất thường: Không để bụi tích tụ lại. Khi ở trạng thái lơ lửng trong không khí, bụi có thể gây ra nguy cơ nổ bụi. Giảm thiểu các nguồn gây cháy. Nếu các lớp bụi phơi nhiễm với nhiệt độ cao, hiện tượng tự bốc cháy có thể xảy ra. Khói dày đặc được tạo ra khi sản phẩm hóa chất này cháy.

Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Các quy tắc cứu hỏa: Yêu cầu mọi người tránh xa khu vực. Cô lập lửa, và không cho người vào khu vực nếu không cần thiết. Dùng nước làm ướt khu vực để làm mát và ngăn ngừa khả năng bốc cháy trở lại. Dùng nước làm mát khu vực xung quanh để cô lập khu vực cháy. Nếu có thể, hãy gom lượng nước đã dùng để chữa cháy vào thùng. Nếu không gom lượng nước dập lửa này, có thể gây thiệt hại về môi trường. Vui lòng xem thêm ở các mục “Các biện pháp đối phó khi hóa chất bị đổ, thoát ra” và “Thông tin về sinh thái” của Bản dữ liệu an toàn (nguyên liệu) này.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa: Mang dụng cụ thở độc lập áp suất dương (SCBA) và trang phục cứu hỏa (bao gồm mũ bảo hộ, áo khoác, quần dài, giày ống, và găng tay). Tránh tiếp xúc với hóa chất này trong suốt quá trình chữa cháy. Nếu phải tiếp xúc với chất này, thì phải mặc trang phục chữa cháy chống chịu được hóa chất và có trang bị dụng cụ thở độc lập. Nếu không có sẵn, thì phải mặc quần áo chống chịu được hóa chất và có trang bị dụng cụ thở độc lập và đứng chữa cháy ở một vị trí xa. Về các thiết bị bảo vệ trong các tình huống sau vụ cháy hoặc dọn dẹp khi không có lửa cháy, vui lòng xem chi tiết ở những phần có liên quan.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp: Cô lập khu vực. Không cho người vào khu vực nếu không cần thiết và không được trang bị các thiết bị bảo vệ. Đứng trên hướng gió của nơi hoá chất bị tràn/đổ. Hoá chất bị tràn/ đổ có thể gây nguy hiểm trượt chân. Làm thông thoáng nơi hoá chất bị rò rỉ hoặc thoát ra. Tham khảo phần 7, Các lưu ý khi thao tác, để biết thêm các biện pháp phòng ngừa. Sử dụng các thiết bị an toàn thích hợp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem thêm Phần 8: Kiểm Soát Sự Phơi Nhiễm và Bảo Vệ Cá Nhân.

Các biện pháp phòng ngừa về môi trường: Ngăn không cho hóa chất thấm vào đất, mương rãnh, cống, luống nước và/hoặc nước ngầm. Vui lòng xem Phần 12: Thông tin về sinh thái.

Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.: Nếu có thể, tiến hành chứa đựng hóa chất bị đổ, thoát ra. Đối với sự cố tràn/ đổ ít: Quét và gom lại. Gom vào các thùng chứa thích hợp và được dán nhãn hợp lệ. Đối với sự cố tràn/ đổ nhiều: Liên hệ với Dow AgroSciences để được hướng dẫn về các bước dọn dẹp hoá chất. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Phần 13, Những Lưu Ý Khi Loại Bỏ.

7. CÁC LƯU Ý KHI THAO TÁC VÀ LƯU TRỮ

Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất: Để xa tầm tay của trẻ. Tránh xa nơi có nhiệt độ cao, tia lửa, ngọn lửa. Không được nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít vào khí, bụi hoặc hơi sương. Rửa thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Giữ thùng chứa luôn đóng. Sử dụng ở nơi thông thoáng gió đầy đủ. Không được hút thuốc, để ngọn lửa, hoặc những nguồn bắt lửa trong khu vực sử dụng và bảo quản. Làm vệ sinh nhà kho thật tốt và kiểm soát bụi là việc rất cần thiết để sử dụng sản phẩm hóa chất được an toàn. Xem Phần 8, Kiểm Soát Sự Tiếp Xúc và Bảo Vệ Cá Nhân.

Các điều kiện lưu giữ an toàn: Lưu trữ ở nơi khô ráo. Lưu giữ trong bình chứa ban đầu. Không lưu trữ sản phẩm hoá chất gần thức ăn, thực phẩm, thuốc, hoặc nơi cung cấp nguồn nước uống.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Các giới hạn phơi nhiễm (nếu có) được liệt kê dưới đây.

Thành phần	Quy định	Loại danh sách	Y nghĩa/ Chú thích
Kaolin	ACGIH	TWA Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng	2 mg/m ³
	VN OEL	TWA	2 mg/m ³ , Nhôm
Quartz	VN OEL	STEL	4 mg/m ³ , Nhôm
	ACGIH	TWA Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng	0,025 mg/m ³ , Silica

CÁC KHUYẾN CÁO TRONG PHẦN NÀY DÀNH CHO CÁC CÔNG NHÂN LÀM VIỆC TRONG KHÂU SẢN XUẤT, PHỐI TRỘN VÀ ĐÓNG GÓI THƯƠNG MẠI. NGƯỜI SỬ DỤNG VÀ VẬN HÀNH NÊN XEM THÔNG TIN TRÊN NHÃN SẢN PHẨM VỀ TRANG THIẾT BỊ VÀ QUẦN ÁO BẢO HỘ CÁ NHÂN.

Kiểm soát phơi nhiễm

Các kiểm soát kỹ thuật: Áp dụng các hướng dẫn kiểm soát của công trình để duy trì mức không khí bên dưới các yêu cầu giới hạn hoặc hướng dẫn phơi nhiễm. Nếu không có các quy định hay hướng dẫn thích hợp về giới hạn phơi nhiễm, chỉ sử dụng tại nơi có hệ thống thông gió đầy đủ. Thông gió thoát khí cục bộ có thể cần thiết cho một số hoạt động.

Các biện pháp vệ sinh: Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Tránh tiếp xúc với mắt. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm. Không hít bụi.

Các biện pháp bảo vệ: Không hút thuốc khi sử dụng thuốc. Không hít bụi. Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này phải được trang bị phương tiện rửa mắt và một vòi sen an toàn.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt: Sử dụng kính bảo hộ chống hoá chất.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay chịu được hóa chất này. ví dụ điển hình của những găng tay chống chịu được nguyên liệu bao gồm: Polyvinyl chloride ("PVC" hoặc "vinyl"). Neoprene. Cao su nitrile/butadiene ("nitrile" or "NBR"). LƯU Ý: Việc lựa chọn loại găng tay cụ thể cho một công việc và thời gian cụ thể ở nơi làm việc phải nên được xem xét đến tất cả các yếu tố có liên quan ở nơi làm việc chẳng hạn như nhưng không hạn chế bởi: những hóa chất khác có thể xử lý, các yêu cầu về mặt vật lý (bảo vệ chống cắt đứt/đâm thủng, chống nhiệt), những phản ứng của cơ thể đối với găng tay có thể xảy ra, cũng như những hướng dẫn, thông số kỹ thuật của nhà sản xuất găng tay.

Các lưu ý bảo vệ khác: Sử dụng trang phục bảo hộ chịu được hóa chất này. Việc lựa chọn các vật dụng cụ thể chẳng hạn như: tấm che mặt, giày ủng, tạp dề, hoặc quần áo liền thân sẽ tùy thuộc vào công việc.

Bảo vệ hô hấp: Nên mang thiết bị bảo hộ hô hấp khi có tiềm năng vượt quá các yêu cầu giới hạn hoặc các hướng dẫn về phơi nhiễm. Nếu không có các yêu cầu thích hợp về giới hạn hoặc hướng dẫn phơi nhiễm, hãy sử dụng thiết bị bảo hộ hô hấp đã được chứng nhận. Lựa chọn thiết bị hô hấp làm sạch không khí hoặc một thiết bị hô hấp cấp khí áp suất dương sẽ phụ thuộc vào các hoạt động cụ thể và nồng độ có khả năng đạt đến trong không khí của nguyên liệu. Trong những tình huống khẩn cấp, nên sử dụng thiết bị thở độc lập áp suất dương.

Sau đây là các loại mặt nạ làm sạch không khí có hiệu quả: Bộ lọc hơi hữu cơ có phin lọc bụi phía trước.

9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái

Trạng thái vật lý	Dạng bột
Màu	Màu nâu vàng nhạt
Mùi	Mùi nhẹ
Ngưỡng mùi	Chưa có dữ liệu kiểm tra
Độ pH	7,19 1,01% ASTM E70
Điểm/khoảng nóng chảy	> 125 °C
Điểm đông	Không áp dụng
Điểm sôi (760 mmHg)	Không áp dụng
Điểm chớp cháy	cốc kín Không áp dụng
Mức độ bay hơi (Butyl acetate = 1)	Không áp dụng
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không áp dụng
Giới hạn trên của cháy nổ	Không áp dụng
Áp suất hơi	Không áp dụng
Tỷ trọng hơi tương đối (không khí = 1)	Không áp dụng
Tỷ trọng tương đối (nước = 1)	Không áp dụng
Tính tan trong nước	có thể chuyển thành thể nhũ tương
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không áp dụng
Nhiệt độ phân hủy	Chưa có dữ liệu kiểm tra Trong một đám cháy, khói có thể chứa hóa chất gốc đó cộng với các sản phẩm cháy gồm những thành phần khác nhau có thể độc hại và/hoặc gây khó chịu
Độ nhớt động	Không áp dụng
Độ nhớt động lực học	Không áp dụng
Đặc tính cháy nổ	Không <i>Do nhiệt</i>
Đặc tính oxy hóa	Tăng không đáng kể (>5C) theo nhiệt độ.
Mật độ lớn	0,46 g/cm ³
Trọng lượng phân tử	chưa có dữ liệu

Chú ý: Các dữ liệu vật lý được trình bày ở trên là giá trị tiêu biểu và không nên được hiểu như là một đặc điểm kỹ thuật

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.

Tính ổn định hóa học: Ổn nhiệt ở nhiệt độ và áp suất khuyến cáo.

Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không xảy ra phản ứng trùng hợp.

Các điều kiện cần tránh: Khi tiếp xúc với nhiệt độ cao có thể làm cho sản phẩm hóa chất bị phân hủy.

Các vật liệu xung khắc: Được biết là chưa xảy ra.

Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Các sản phẩm phân hủy tùy thuộc vào nhiệt độ, lượng không khí được cung cấp, và sự tham gia của những nguyên liệu hoá chất khác. Sản phẩm phân hủy có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Carbon monoxide. Carbon dioxide. Các nitrogen oxide. Các sulfur oxide.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về độc hại được trình bày trong phần này khi dữ liệu có sẵn.

Độc tính cấp tính

Độc tính cấp theo đường miệng

Độc hại ở cấp độ trung tính nếu nuốt phải. Nuốt phải những lượng nhỏ một cách ngẫu nhiên do quá trình xử lý thông thường không có khả năng gây tổn thương; tuy nhiên, nếu nuốt phải những lượng lớn có thể gây tổn thương nghiêm trọng, thậm chí tử vong. Có thể gây các ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương.

Như sản phẩm:

LD50, Chuột, con cái, 180 - 275 mg/kg

Độc tính cấp qua da

Sự tiếp xúc kéo dài với da có vẻ như không gây thấm hút những lượng độc hại

Như sản phẩm:

LD50, Thỏ, Đực và cái, > 2.000 mg/kg Không có tử vong xảy ra ở nồng độ này.

Độc tính cấp do hít phải

Bụi hoá chất có thể gây kích ứng nghiêm trọng đường hô hấp trên (mũi và họng) và phổi . Phơi nhiễm quá mức với bụi hóa chất có thể gây ra các hậu quả xấu.

LC50, Chuột, Đực và cái, 4 h, bụi / hơi sương, > 5,13 mg/l

Ăn mòn/kích ứng da

Tiếp xúc với sản phẩm hoá chất trong thời gian ngắn có thể gây kích ứng cho da ở cấp độ trung bình với hiện tượng đỏ da cục bộ.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Có thể gây kích ứng cho mắt ở cấp độ trung bình.

Có thể gây tổn thương nhẹ cho màng sừng.

Gây mẫn cảm

Dựa trên phần lớn hoặc hoàn toàn thông tin của (các) nguyên liệu tương tự.

Đã cho thấy không gây ra các phản ứng dị ứng da khi tiến hành thí nghiệm trên chuột lang.

Đối với sự mẫn cảm hô hấp:

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Khi đánh giá các dữ liệu sẵn có cho thấy nguyên liệu hóa chất này không phải là chất độc STOT-SE.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm lặp đi lặp lại)

Đối với (các) thành phần hoạt tính:

Ở động vật, các ảnh hưởng đã được báo cáo ở các bộ phận sau đây:

Gan.

Thận.

Tinh hoàn.

Túi mật.

Độc tính gây ung thư

Hoạt chất không gây ung thư cho động vật thí nghiệm. Quy trình đánh giá rủi ro đã được tiến hành trên sản phẩm này và cho thấy rằng dưới điều kiện sử dụng bình thường, các thành phần phụ không gây ra nguy hiểm nào.

Độc tính gây quái thai

Đối với (các) thành phần hoạt tính: Đã không gây ra các dị tật bẩm sinh hoặc các ảnh hưởng khác lên bào thai khi tiến hành thí nghiệm ở động vật.

Độc tính đối với sinh sản

Đối với (các) thành phần hoạt tính: Trong nghiên cứu trên động vật, không cản trở khả năng sinh sản.

Độc tính gây đột biến

Đối với (các) thành phần hoạt tính: Nghiên cứu về độc hại di truyền trong ống nghiệm (bên ngoài cơ thể) cho kết quả âm tính. Các nghiên cứu về độc tính di truyền trên động vật đều cho kết quả âm tính.

Nguy cơ hô hấp

Căn cứ vào tính chất vật lý, không nguy hiểm khi hít phải.

Thông tin bổ sung

Không có dữ liệu độc tính có sẵn cho vật liệu này.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin về độc hại sinh thái được trình bày trong phần này khi dữ liệu có sẵn.

Thông tin chung

Độc đối với thủy sinh vật, có thể gây các ảnh hưởng có hại lâu dài trong môi trường thủy sinh.

Độc tính sinh thái

Độc tính cấp tính đối với cá

Nguyên liệu hóa chất gây độc hại đối với thủy sinh vật trên cơ sở cấp tính ở cấp độ trung bình (LC50/EC50 ở giữa 1 và 10 mg/L ở hầu hết các loài nhạy cảm đã kiểm tra).

LC50, *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng), Thử nghiệm tĩnh, 96 h, 4,03 mg/l

Độc tính cấp tính đối với động vật không xương sống thủy sinh

LC50, tôm hồng (*Penaeus duorarum*), Thử nghiệm tĩnh, 96 h, 24 mg/l

EC50, hào bờ đông (*Crassostrea virginica*), Thử nghiệm chảy, 96 h, > 4,0 mg/l

EC50, *Daphnia magna* (Bọ nước), Thử nghiệm tĩnh, 48 h, 4,86 mg/l

EC50, Bọ nước Daphnia magna, Thử nghiệm bán tĩnh, 48 h, 3,89 mg/l

Độc tính cấp tính đối với tảo

ErC50, Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục), Thử nghiệm tĩnh, 72 h, 18,9 mg/l

Độc tính đối với sinh vật trên mặt đất

LD50 qua miệng, Apis mellifera (Ong), 48 d, 126,9µg/ong

tiếp xúc LD50, Apis mellifera (Ong), 48 d, > 266,7µg/ong

Độc tính đối với sinh vật sống trong đất

EC50, Eisenia fetida (Sâu đất), 14 d, > 1.333 mg/kg

Tính bền vững và phân hủy

Chuyển đời lý-hóa

Việc trung hoà là cần thiết trước khi nước thải được đưa vào nhà máy xử lý nước thải.

Tiềm năng tích lũy sinh học

Tricyclazole

Tính tích lũy sinh học: Tiềm năng tích lũy sinh học thấp (BCF < 100 hoặc LogPow < 3)

Hệ số phân tán: n-octanol/nước(log Pow): 1,42 OECD Hướng dẫn kiểm tra 107 hoặc tương đương

Yếu tố nồng độ sinh học (BCF): 8,97 Cá

Kaolin

Tính tích lũy sinh học: Không áp dụng tính phân tán từ nước đến n-octanol.

Amorphous precipitated silica

Tính tích lũy sinh học: Không áp dụng tính phân tán từ nước đến n-octanol.

Quartz

Tính tích lũy sinh học: Không áp dụng tính phân tán từ nước đến n-octanol.

Balance

Tính tích lũy sinh học: Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Tính dịch chuyển trong đất

Tricyclazole

Tiềm năng dịch chuyển trong đất ở mức trung bình(Koc trong khoảng 150 và 500).

Hệ số phân tán (Koc): 156,3 - 176,9

Kaolin

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Amorphous precipitated silica

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Quartz

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Balance

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Tricyclazole

Chất này không được coi là khó phân hủy, có khả năng tích tụ sinh học và độc hại (PBT)
Chất này không được xem là rất khó phân hủy hoặc có khả năng tích tụ sinh học cao (vPvB).

Kaolin

Chất này không được xem là bền, có tính tích lũy sinh học, và độc hại (PBT). Chất này không được xem là có tính bền cao và có tính tích lũy sinh học cao (vPvB).

Amorphous precipitated silica

Chất này chưa được đánh giá cho tính bền, tích lũy sinh học, và độc tính (PBT).

Quartz

Chất này chưa được đánh giá cho tính bền, tích lũy sinh học, và độc tính (PBT).

Balance

Chất này chưa được đánh giá cho tính bền, tích lũy sinh học, và độc tính (PBT).

Các ảnh hưởng có hại khác

Tricyclazole

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Kaolin

Chất này không có trong danh sách các chất làm suy giảm đến tầng ozone của nghị định Montreal.

Amorphous precipitated silica

Chất này không có trong danh sách các chất làm suy giảm đến tầng ozone của nghị định Montreal.

Quartz

Chất này không có trong danh sách các chất làm suy giảm đến tầng ozone của nghị định Montreal.

Balance

Chất này không có trong danh sách các chất làm suy giảm đến tầng ozone của nghị định Montreal.

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ: Nếu chất thải và/hoặc thùng chứa không thể xử lý được theo các chỉ dẫn trên nhãn sản phẩm, thì việc xử lý nguyên liệu này phải phù hợp với yêu cầu của cơ quan hoặc khu vực quản lý địa phương. Thông tin được trình bày dưới đây chỉ áp dụng đối với các vật liệu được cung cấp. Việc xác định dựa trên (các) đặc tính hoặc liệt kê không được áp dụng nếu nguyên liệu đã được sử dụng hoặc đã bị ô nhiễm. Đây là trách nhiệm của người xử lý chất thải cần phải xác định độc tính và tính chất vật lý của nguyên liệu tạo ra, để xác định các phương pháp xử lý chất thải theo đúng qui

định thích hợp. Nếu nguyên liệu đã được cung cấp trở thành chất thải, thì phải tuân thủ theo luật quốc gia, khu vực và địa phương.

Sản phẩm này phải được xử lý như chất thải nguy hại khi thải bỏ ở trạng thái chưa được sử dụng hoặc chưa bị nhiễm bẩn.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Phân loại đối với vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt

Tên vận chuyển thích hợp	PESTICIDE, SOLID, TOXIC, N.O.S.(TRICYCLAZOLE)
Số UN	UN 2588
Hạng	6.1
Nhóm đóng gói	III
Các nguy cơ ảnh hưởng môi trường	TRICYCLAZOLE

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG BIỂN (IMO-IMDG)

Tên vận chuyển thích hợp	PESTICIDE, SOLID, TOXIC, N.O.S.(TRICYCLAZOLE)
Số UN	UN 2588
Hạng	6.1
Nhóm đóng gói	III
Chất gây ô nhiễm biển	TRICYCLAZOLE
Vận chuyển theo khối dựa trên Phụ Lục I hoặc II của MARPOL 73/78 (Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu biển) và theo mã quy ước quốc tế IBC hoặc IGC	Consult IMO regulations before transporting ocean bulk

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG KHÔNG (IATA / ICAO):

Tên vận chuyển thích hợp	Pesticide, solid, toxic, n.o.s.(TRICYCLAZOLE)
Số UN	UN 2588
Hạng	6.1
Nhóm đóng gói	III

Thông tin này không nhằm mục đích để truyền đạt tất cả các qui định pháp lý cụ thể hoặc các yêu cầu/ thông tin vận hành liên quan đến sản phẩm này. Phân loại khi vận chuyển có thể thay đổi tùy theo khối lượng/ thể tích chuyên chở và các điều chỉnh pháp lý theo khu vực hoặc quốc gia. Có thể tìm hiểu thêm thông tin bổ sung trong vận chuyển thông qua đại diện thương mại hoặc đại diện dịch vụ khách hàng đã được ủy quyền. Hãng vận tải có trách nhiệm tuân thủ các luật, quy định, quy tắc liên quan khi tiến hành vận chuyển hóa chất này.

15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Theo như chúng tôi biết, những luật lệ được liệt kê sau đây cung cấp những yêu cầu cần thiết dựa trên kinh doanh, sử dụng an toàn, vận chuyển, quy định về nhãn của thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013
- Thông tư Quản lý Thuốc bảo vệ thực vật số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 06 năm 2015.
- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP, Quy định Danh Mục Hàng Hoá Nguy Hiểm và Vận Chuyển Hàng Nguy Hiểm Bằng Phương Tiện Giao Thông Cơ Giới Đường Bộ , được ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2009.
- Nghị Định số 29/2005/NĐ-CP, Quy Định Danh Mục Hàng Hóa Nguy Hiểm và Việc Vận Tải Hàng Hóa Nguy Hiểm Trên Đường Thủy Nội Địa.
- Nghị Định số 89/2006/NĐ-CP về nhãn hàng hóa được ban hành ngày 30 tháng 08 năm 2006.

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Hệ thống xếp hạng nguy cơ

NFPA

Y tế	Cháy	Phản ứng
1	1	0

Chỉnh sửa

Số nhận biết 101194530 / A144 / Ngày ban hành: 28.06.2016

Mã số DAS: GF-1455

(Các) chỉnh sửa gần đây nhất được in đậm, đánh dấu bằng thanh đôi cạnh lề trái trong toàn bộ tài liệu.

Ghi chú

ACGIH	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
STEL	Từng lần tối đa
TWA	Trung bình về thời gian
VN OEL	Các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của Việt Nam

DOW AGROSCIENCES B.V. khuyến khích khách hàng hoặc người nhận Bản Dữ liệu An Toàn (Nguyên Liệu) này hãy đọc nó thật kỹ và tham khảo ý kiến từ chuyên gia, đó là điều cần thiết để nhận thức và hiểu được những thông tin trong Bản Dữ Liệu này và những mối nguy hiểm có thể phát sinh từ sản phẩm. Thông tin cung cấp trong bản này là thành thật và được cho là chính xác căn cứ theo ngày hiệu lực đã nêu ở trên đây. Tuy nhiên, không có bảo đảm, nêu ra, hay ám chỉ được đưa ra. Các yêu cầu cũng như quy định có thể thay đổi và có thể khác nhau ở từng nơi. Người mua/người sử dụng có trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động của mình tuân thủ luật quốc gia và các quy định ở cấp thành phố, tỉnh, hoặc địa phương sở tại. Những thông tin trong bản này chỉ gắn liền với sản phẩm của chúng tôi đã bán cho quý khách hàng. Do nhà sản xuất không thể kiểm soát được các điều kiện sử dụng sản phẩm, nên người mua/người sử dụng có nhiệm vụ phải quyết định những điều kiện cần thiết để có thể sử dụng sản phẩm một cách an toàn. Do hiện nay có nhiều nguồn thông tin cung cấp khác nhau như là bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) từ nhà sản xuất, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm, cũng như không có khả năng chịu trách nhiệm cho những nguồn thông tin khác không phải của chúng tôi. Nếu quý khách hàng đã nhận được Bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) từ một nguồn khác hoặc nếu quý khách không chắc rằng Bản Dữ Liệu của mình có cập nhật không, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi để nhận được phiên bản mới nhất.